

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN-TP.HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc

Bản án số: 18/2019/DS-ST

Ngày 28/11/2019

“ V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Dương Văn Xuyên

Bà Đào Thị Đoan

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vương Xuân Hoan-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 46/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X XBank

Địa chỉ: Số X phố H, phường H, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D-Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A-Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân XBank hội sở (Theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Vũ Thị Ánh N-Cán bộ xử lý nợ XBank AMC (Theo Văn bản ủy quyền số 3487/2019/UQ-VPB ngày 26/4/2019).

Bị đơn: Anh Trương Ngọc P, sinh năm 1975

Chị Mẫn Thị Mai X sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn L, xã D, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Mẫn Thị Mai X là ông Trương Ngọc P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Đồng Lạc, Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Vũ Thị Ánh N-người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP X trình bày:

Ngày 07/9/2017, Ngân hàng TMCP X có ký hợp đồng tín dụng số LNABC với vợ chồng anh Trương Ngọc P và chị Mẫn Thị Mai X. Theo nội dung của Hợp đồng thì Ngân hàng đồng ý cho anh P, chị X vay số tiền 671.000.000đ, thời hạn vay 83 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,4%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4/, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07/9/2018, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/10/2018; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng tiền vay để vợ chồng anh P, chị X thanh toán tiền mua xe ô tô. Số tiền vay trên Ngân hàng đã giải ngân làm 1 lần cho anh P, chị X thể hiện ở Khế ước nhận nợ ngày 07/9/2017.

Kèm theo khoản vay trên, Ngân hàng còn cho vợ chồng anh Trương Ngọc P vay số tiền 80.000.000đ dưới hình thức mở thẻ tín dụng theo Hợp đồng số DEF ngày 09/9/2017, số tiền này Ngân hàng đã giải ngân đủ cho vợ chồng anh P.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng anh P có thể chấp cho Ngân hàng 01 tài sản là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET BKS 29C-MNP theo Hợp đồng thế chấp số LNABC ngày 07/9/2017. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại TP.Đà Nẵng ngày 07/9/2017.

Quá trình thực hiện hai hợp đồng trên, vợ chồng anh P đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền 18.989.310đ của Hợp đồng tín dụng số LNABC ngày 07/9/2017. Trong đó: Gốc: 8.085.000đ và lãi: 10.893.057đ, lãi phạt: 11.253đ. Sau đó vợ chồng

anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 11/10/2017 toàn bộ số dư nợ của Hợp đồng tín dụng LNABC ngày 07/9/2017 được chuyển sang nợ quá hạn. Hợp đồng thẻ tín dụng cũng được chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/10/2017.

Tạm tính đến ngày 28/11/2019, vợ chồng ông P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền của hai hợp đồng tín dụng là 1.117.022.511đ. Cụ thể:

-Hợp đồng tín dụng LD1725001064 là 959.488.053. Trong đó: Nợ gốc: 662.915.000đ, nợ lãi: 266.922.368 và lãi phạt chậm trả: 29.650.685đ.

-Hợp đồng thẻ tín dụng số DEF là 157.534.458đ. Trong đó: Nợ gốc: 79.989.000đ và nợ lãi: 77.545.458đ.

Tại phiên tòa ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ trên. Đồng thời vợ chồng ông P tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 29/11/2019 theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng cho đến khi vợ chồng ông P thanh toán xong khoản vay cho Ngân hàng.

Trong trường hợp vợ chồng ông P không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán trả cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án phát mãi tài sản mà vợ chồng ông P đã thế chấp cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi toàn bộ số nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 24/10/2019 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Trương Ngọc P đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của chị Mẫn Thị Mai X trình bày: Anh P xác nhận về thời gian, nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Đồng thời anh P cũng xác nhận về số tiền nợ hiện vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng và anh đồng ý thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ trên. Tuy nhiên do điều kiện hiện nay của vợ chồng anh đang gặp khó khăn nên anh xin trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 15.000.000đ/tháng.

Trong trường hợp vợ chồng anh không có khả năng thanh toán thì vợ chồng anh đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các bên đương sự đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463,464,465,466 và 467 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với vợ chồng anh P, chị X.

Buộc anh P, chị X phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/11/2019 của 02 hợp đồng tín dụng là 1.117.022.511đ. Trong đó: Nợ gốc: 742.904.000đ, nợ lãi: 344.467.826đ và lãi phạt chậm trả: 29.650.685đ. Đồng thời anh P, chị X phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 29/11/2019 theo lãi suất trên hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên đến khi anh P, chị X trả xong khoản nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp anh P, chị X không có khả năng thanh toán trả cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET BKS 29C-MNP theo Hợp đồng thế chấp số LNABC ngày 07/9/2017.

Về án phí: Anh P, chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Về thẩm quyền và thời hiệu: Ngân hàng thương mại cổ phần X XBank được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: xxxxxxxxxxxx, đăng ký lần đầu ngày 08/9/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 27/11/2018, ngành nghề kinh doanh của XBank là kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các hoạt động khác ghi trong điều lệ. Anh Trương Ngọc P và chị Mẫn Thị Mai X là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Mục đích của Hợp đồng chỉ có ngân hàng là có mục đích lợi nhuận, còn anh P, chị X không có mục đích lợi nhuận, vợ chồng anh vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân chứ không phải kinh doanh. Do vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng dân sự, cụ thể là “ Hợp đồng vay tài sản”. Do

anh P, chị X vi phạm hợp đồng không trả gốc, lãi đúng hạn nên ngày 26/4/2019, XBank đã làm đơn khởi kiện anh P, chị X đến Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu. Hợp đồng tín dụng số LNABC ngày 07/9/2017 và Hợp đồng thẻ tín dụng số DEF ngày 09/9/2017 đáp ứng đủ điều kiện của chủ thẻ ký hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng dân sự hợp pháp.

-Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình điều tra bị đơn là anh Trương Ngọc P đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của chị Mẫn Thị X đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử của anh Trương Ngọc P nên ngày 07/9/2017 XBank đã đồng ý cho anh P, chị X vay số tiền 671.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số LNABC. Kèm theo Hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng còn đồng ý cho vợ chồng anh P vay số tiền 80.000.000đ dưới hình thức mở thẻ tín dụng theo Hợp đồng số DEF ngày 09/9/2017.

Quá trình thực hiện hai hợp đồng trên, anh P, chị X đã thanh toán trả cho Ngân hàng được số tiền 18.989.310đ của Hợp đồng tín dụng số LNABC ngày 07/9/2017. Trong đó: Nợ gốc: 8.085.000đ và nợ lãi: 10.893.057đ, lãi phạt chậm trả: 11.253đ. Số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của Hợp đồng này đến nay anh P, chị X chưa trả được cho Ngân hàng. Tại khoản 6 Điều 1 của Khế ước nhận nợ có quy định: “lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11,4%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4/, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07/9/2018, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/10/2018; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng thì anh P, chị X chưa thanh toán trả cho Ngân hàng được đồng nào. Tại Điều 2 Phần II của Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân quy định về Lãi suất “ Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất (nếu có) được XBank và Khách hàng thỏa thuận và ghi trong xác nhận chấp thuận cho vay của XBank và các tài liệu giao dịch liên quan giữa hai bên”. Trước khi ký hợp đồng anh P, chị X đã được thông qua bộ điều khoản và ký xác nhận.

Căn cứ theo thông báo của Ngân hàng áp dụng lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng thẻ tín dụng là 28,68%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Xét việc thỏa thuận về tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của các bên trong hai hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/11/2019 của hai hợp đồng tín dụng trên như XBank đã giải trình là 1.117.022.511đ. Cụ thể:

-Hợp đồng tín dụng LD1725001064 là 959.488.053. Trong đó: Nợ gốc: 662.915.000đ, nợ lãi: 266.922.368 và lãi phạt chậm trả: 29.650.685đ.

-Hợp đồng thẻ tín dụng số DEF là 157.534.458đ. Trong đó: Nợ gốc: 79.989.000đ và nợ lãi: 77.545.458đ.

Buộc anh P, chị X phải có trách nhiệm thanh toán trả cho XBank toàn bộ số tiền nợ trên. Đồng thời anh P, chị X phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/11/2019 trên số dư nợ gốc chưa trả theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi anh P, chị X thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

-Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng: Tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số LNABC ngày 07/9/2017 quy định biện pháp bảo đảm tiền vay là cho vay có bảo đảm bằng tài sản dưới hình thức thế chấp xe ô tô. Điều khoản này đã được các bên cụ thể hóa tại Hợp đồng thế chấp như sau:

- Theo Hợp đồng thế chấp ô tô số LNABC ngày 07/9/2017 thì vợ chồng anh P, chị X đã đồng ý dùng tài sản của mình là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET BKS 29C-MNP theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 332896 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/9/2017 cho anh Trương Ngọc P để

bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng ký giữa bên Ngân hàng và bên thế chấp trong khoảng thời gian từ ngày 07/9/2017 đến ngày 07/9/2020.

Về thủ tục bảo lãnh đều được các bên lập hợp đồng, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm giao dịch bảo đảm thành phố Đà Nẵng theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, hợp đồng bảo lãnh trên là hợp pháp nên có hiệu lực thi hành đối với các bên nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả không đủ nợ.

Đối với tài sản bảo đảm này, Tòa án đã yêu cầu anh P, chị X mang xe đến để Tòa án tiến hành thẩm định. Tuy nhiên anh P khai nhận do chiếc xe trên em trai anh đang sử dụng đi công việc làm ăn nên anh không thể mang xe về được nhưng anh cam kết xe anh vẫn đang quản lý, sử dụng. Tòa án đã xác minh tại Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội thì chiếc xe ô tô trên anh P vẫn chưa dịch chuyển, sang tên chuyển quyền sở hữu cho bất kỳ ai. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để phát mại chiếc xe ô tô trên.

[3] Về án phí: Anh P, chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. XBank được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 40; Điều 147; Điều 184, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466, 467 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với anh Trương Ngọc P và chị Mẫn Thị Mai X.

Buộc anh Trương Ngọc P và chị Mẫn Thị Mai X phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/11/2019 của hai hợp đồng tín dụng số LD1725001064 ngày 07/9/2017 và Hợp đồng thế tín dụng số DEF ngày 09/9/2017 là 1.117.022.511đ. Cụ thể như sau:

-Hợp đồng tín dụng số LD1725001064 ngày 07/9/2017:

+Nợ gốc: 662.915.000đ.

+Nợ lãi: 266.922.368đ.

+Lãi phạt chậm trả: 29.650.685đ.

-Hợp đồng thế tín dụng số DEF ngày 09/9/2017:

+Nợ gốc: 79.989.000đ.

+Nợ lãi: 77.545.458đ

2. Anh Trương Ngọc P và chị Mẫn Thị Mai X phải chịu số tiền lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 29/11 /2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hai hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi anh P, chị X thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

3.Trong trường hợp anh P, chị X không trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn phát mại tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET BKS 29C-MNP theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 332896 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/9/2017 cho anh Trương Ngọc P theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LNABC ngày 07/9/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự.

4.Về án phí:Anh P, chị X phải nộp 45.510.675đ án phí dân sự sơ thẩm cho Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần X được hoàn trả số tiền 20.650.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai số 0001950 ngày 21/6/2019.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn được quyền kháng cáo. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Xuyên

Đào Thị Đoan

Nguyễn Thị Thu Hằng